**NỘI DUNG GHI BÀI SINH 8**

*(LẦN 2- THEO PPCT MỚI)*

**BÀI 42: VỆ SINH DA**

**I. Bảo vệ da**

- Da bẩn là môi trường cho vi khuẩn phát triển và hạn chế hoạt động của tuyến mồ hôi.

- Da bị xây xát: Dễ nhiễm trùng.

- Cần giữ da sạch sẽ và bảo vệ da không bị ây xát.

**III.Phòng chống bệnh ngoài da**

 1.Các bệnh ngoài da

- Do vi khuẩn

**-** Do nấm

- Bỏng nhiệt , bỏng hóa chất

 2.Phòng bệnh

- Giữ vệ sinh thân thể

- Giữ vệ sinh môi trường

- Tránh để da bị xây xát ,bỏng

 3.Chữa bệnh: dùng thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ

**CHƯƠNG IX: THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN**

**BÀI 43: GIỚI THIỆU CHUNG HỆ THẦN KINH**

**II. Các bộ phận của hệ thần kinh**

1. Dựa vào cấu tạo: ( chỉ giới thiệu cấu tạo )

2. Dựa vào chức năng

 - Hệ thần kinh vận động (cơ xương): Liên quan đến hoạt động của các cơ vân là hoạt động có ý thức.

 - Hệ thần kinh sinh dưỡng: Điều hòa hoạt động của các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản. Đó là những hoạt động không ý thức.

 **BÀI 45: DÂY THẦN KINH TỦY**

**I. Cấu tạo của dây thần kinh tủy**

- Từ tủy sống phát đi 31 đôi dây thần kinh tủy.

- Dây thần kinh tủy gồm:

 . Rễ sau: Gồm các bó sợi c.giác nối với tủy sống.

 . Rễ trước: Gồm các bó sợi vận động nối với tủy sống.

- Các rễ tủy đi qua khỏi khe giữa 2 đốt sống liên tiếp (lỗ gian đốt sống) đã nhập lại thành dây thần kinh tủy

**BÀI 46: TRỤ NÃO – TIỂU NÃO**

**NÃO TRUNG GIAN**

*(chỉ học vị trí và chức năng)*

**I. Vị trí và các thành phần của não bộ**

 - Đại não: phần não phát triển nhất

- Trụ não tiếp liền với tuỷ sống ở phía dưới gồm: hành não, cầu não, não giữa.

- Não trung gian nằm giữa trụ não và đại não gồm: Đồ thị và dưới đồi thị

- Phía sau trụ não là tiểu não.

**II. Cấu tạo và chức năng của trụ não**

 - Trụ não tiếp liền với tủy sống gồm hành não, cầu não, não giữa có cuống não và củ não sinh tư.

- Chức năng:

 + Chất xám: Điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan.

 + Chất trắng: Dẫn truyền gồm đường lên (cảm giác), đường xuống (vận động)

**III. Não trung gian**

- Não trung gian nằm giữa trụ não và đại não.

- Chất trắng: Ở ngoài, chuyển tiếp các đường dẫn truyền cảm giác từ dưới lên não.

- Chất xám: Ở trong, là các nhân xám điều khiển quá trình TĐC và điều hòa thân nhiệt

**IV. Tiểu não**

- Vị trí: Sau trụ não, dưới bán cầu não.

- Chức năng: Điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giữ thăng bằng cơ thể

**BÀI 47 ĐẠI NÃO**

**II. Sự phân vùng chức năng của vỏ đại não**

 - Vỏ não có mhiều vùng, mỗi vùng có chức năng riêng: Vùng cảm giác, vùng vận động, vùng thị giác, … Đặc biệt là vùng ngôn ngữ, vùng hiểu tiếng nói, hiểu chữ viết chỉ có ở người.

**BÀI 48: HỆ THẦN KINH SINH DƯỠNG**

*(Khuyến khích học sinh tự đọc)*

**BÀI 49 CƠ QUAN PHÂN TÍCH THỊ GIÁC**

**I. Cơ quan phân tích:**

- Cơ quan thụ cảm.

- Dây thần kinh (Dẫn truyền hướng tâm)

- Bộ phận phân tích ở trung ương (vùng thần kinh ở đại não)

- Ý nghĩa: Giúp cơ thể nhận biết được tác động của môi trường.

**II Cơ quan phân tích thị giác:**

- Màng lưới trong cầu mắt

- Dây thần kinh thị giác (dây số II)

- Vùng thị giác ở thùy chẩm

1. Cấu tạo của cầu mắt

 a. Bên ngoài: Là màng bao bọc gồm 3 lớp:

 - Màng cứng: Bảo vệ cầu mắt. Phía trước là màng giác trong suốt cho ánh sáng đi qua.

 - Màng mạch: Có nhiều mạch máu, phía trước là lòng đen

 - Màng lưới: Gồm các tế bào thụ cảm thị giác có 2 loại là tế bào hình que và tế bào hình nón.

 b. Bên trong: Là môi trường trong suốt gồm thủy dịch, thể thủy tinh, dịch thủy tinh.

**BÀI 50: VỆ SINH MẮT**

**I. Các tật của mắt**

1. Cận thị: Là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

- Nguyên nhân:

 + Cầu mắt dài do bẩm sinh.

 + Thể thủy tinh quá phồng do không giữ vệ sinh khi đọc sách.

- Cách khắc phục: Đeo kính mặt lõm (phân kỳ).

2. Viễn thị: Là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

- Nguyên nhân:

 + Cầu mắt ngắn do bẩm sinh

 + Thể thuỷ tinh bị lão hóa không phồng được

- Cách khắc phục: Đeo kính mặt lồi (hội tụ).

**BÀI 51 CƠ QUAN PHÂN TÍCH THÍNH GIÁC**

**I. Cấu taọ của tai**

- Cơ quan phân tích thính giác gồm: Tế bào thụ cảm thính giác , dây TK thính giác (dây số VIII), vùng thính giác ở thùy thái dương.

- Cấu tạo tai gồm:

 + Tai ngoài:

 . Vành tai: Hứng sóng âm.

 . Ống tai: Hướng sóng âm vào màng nhĩ.

 . Màng nhĩ: Khuếch đại âm thanh (đường kính 1 cm).

 + Tai giữa:

 . Khoang xương:Trong đó có chuỗi xương tai gồm xươmg búa, xương đe và xương bàn đạp. Xương búa gắn vào màng nhĩ, xương bàn đạp áp vào 1 màng giới hạn tai giữa với tai trong (màng cửa bầu dục)

 . Vòi nhĩ: Thông với hầu giúp cân bằng áp suất 2 bên màng nhĩ

 + Tai trong:

 . Bộ phận tiền đình và các ống bán khuyên: Thu nhận thông tin về vị trí và sự chuyển động của cơ thể trong không gian.

 . Ốc tai: Thu nhận kích thích sóng âm.

\* Cấu tạo của ốc tai: Xoắn 2,5 vòng gồm ốc tai xương ở ngoài, ốc tai màng ở trong. Ốc tai màng là 1 ống màng chạy suốt dọc ốc tai xương gồm màng tiền đình ở phía trên, màng cơ sở ở phía dưới và màng bên áp sát vào vách xương của ốc tai xương.

 Màng cơ sở: Có khoảng 24.000 sợi liên kết dài ngắn khác nhau. Dài ở đỉnh ốc và ngắn dần khi xuống miệng ốc. Chúng chăng ngang từ trụ ốc sang thành ốc. Trên màng cơ sở có cơ quan cóocti trong đó có các tế bào thụ cảm thính giác.

**III. Vệ sinh tai**

- Giữ vệ sinh tai.

- Các biện pháp bảo vệ tai:

 + Không dùng vật nhọn ngoáy tai.

 + Giữ vệ sinh mũi, họng để phòng bệnh cho tai.

 + Có biện pháp chống và giảm tiếng ồn.

**BÀI 52: PHẢN XẠ KHÔNG ĐIỀU KIỆNVÀ PHẢN XẠ CÓ ĐIỀU KIỆN**

I**. Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện**.

- Phản xạ không điều kiện: Là phản xạ sinh ra đã có không cần phải học tập.

- Phản xạ có điều kiện: Là phản xạ hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả quá trình học tập rèn luyện.

- Ý nghĩa: Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi

**II. Sự hình thành px có điều kiện**

1. Hình thành px có điều kiện

- Điều kiện để thành lập px có điều kiện

 + Phải có sự kết hợp giữa kích thích có đk với kích thích không đk trong đó kích thích có đk phải tác động trước kích thích không đk 1 thời gian ngắn

 + Thực chất của việc thành lập px có đk là sự hình thành đường liên hệ tạm thời nối các vùng của vỏ đại não với nhau.

2. Ức chế px có đk

- Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố, phản xạ sẽ mất dần

gọi là ức chế tắt dần.

- Ý nghĩa: Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi

**III. So sánh tính chất của phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Tính chất của phản xạ không điều kiện | Tính chất của phản xạ có điều kiện |
| - Trả lời kích thích tương ứng hay kích thích không đk | - Trả lời các kích thích bất kỳ hay kích thích có điều kiện (đã được kết hợp với kích thích không điều kiện 1 số lần) |
| - Bẩm sinh | - Được hình thành trong đời sống (qua học tập và rèn luyện) |
| - Bền vững | - Dễ mất khi không củng cố |
| - Có tính chất dt, mang tc chủng loại | - Có tính chất cá thể, không di truyền |
| - Số lượng hạn chế | - Số lượng không hạn chế |
| - Cung phản xạ đơn giản | - Hình thành đường liên hệ tạm thời |
| - Trung ương thần kinh nằm ở trụ não, tủy sống | - Trung ương thần kinh chủ yếu có sự tham gia của vỏ não |

\* Mối quan hệ : Phản xạ không điều kiện là cơ sở để hình thành phản xạ có điều kiện

**BÀI 53:** **HOẠT ĐỘNG THẦN KINH BẬC CAO Ở NGƯỜI**

**( Khuyến khích học sinh tự đọc cả bài )**

**Bài 54: VỆ SINH HỆ THẦN KINH**

**I. Ý nghĩa của giấc ngủ đối với sức khỏe**

- Ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể, là quá trình ức chế của bộ não, đảm bảo sự phục hồi khả năng làm việc của hệ TK.

- Biện pháp để có giấc ngủ tốt:

 + Cơ thể sảng khoái.

 + Chỗ ngủ thuận lợi.

 + Không dùng chất kích thích như trà,cà phê, …

 + Tránh các kích thích ảnh hưởng tới giấc ngủ.

**III. Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với hệ thần kinh**

- Rượu: Làm hoạt động vỏ não bị rối loạn, trí nhớ kém.

- Trà, cà phê: Kích thích hệ TK, gây khó ngủ.

- Thuốc lá: Cơ thể suy yếu, dễ mắc các bệnh ung thư, khả năng làm việc trí óc giảm, trí nhớ kém.

- Ma túy: Suy yếu nòi giống, cạn kiệt kinh tế, lây nhiễm HIV.

**CHƯƠNG X : TUYẾN NỘI TIẾT**

**BÀI 55: GIỚI THIỆU CHUNG HỆ NỘI TIẾT**

**I. Đặc điểm của hệ nội tiết**

- Vai trò: Điều hoà các quá trình sinh lí trong cơ thể.

- Tuyến nội tiết sản xuất các hóocmon theo đường máu (đường thể dịch) đến các cơ quan đích.

**II. Phân biệt tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết**

- Tuyến ngoại tiết: Chất tiết theo ống dẫn tới các cơ quan tác động

- Tuyến nội tiết: Chất tiết ngấm thẳng vào máu tới cơ quan đích

- Ngoài ra còn có 1 số tuyến vừa làm nhiệm vụ ngoại tiết vừa làm nhiệm vụ nội tiết (tuyến pha)

- Sản phẩm của tuyến nội tiết là hoocmon

**III. Hoocmon**

1. Tính chất của hoocmon:

 - Mỗi hoocmon chỉ ảnh hưởng đến 1 hoặc 1 số cơ quan xác định.

 - Hoocmon có hoạt tính sinh học rất cao.

 - Hoocmon không mang tính đặc trưng cho loài.

2. Vai trò của hoocmon

- Duy trì tính ổn định môi trường bên trong cơ thể.

- Điều hòa các quá trình sinh lí diễn ra bình thường

**BÀI 56: TUYẾN YÊN – TUYẾN GIÁP**

**I. Tuyến yên**

- Vị trí: Nằm ở nền sọ, có liên quan đến vùng dưới đồi.

- Cấu tạo: ( Hs tự đọc)

- Hoạt động của tuyến yên chịu sự điều khiển trực tiếp hoặc gián tiếp của hệ thần kinh

- Vai trò:

 + Thùy trước: Tiết hoocmon ảnh hưởng tới sự tăng trưởng, trao đổi gluco, các chất khoáng và kích thích hoạt động của nhiều tuyến nội tiết khác.

 + Thùy sau: Tiết hoocmon giúp giữ nước và gây co thắt cơ trơn ở tử cung.

**II. Tuyến giáp**

- Vị trí: Nằm trước sụn giáp của thanh quản nặng 20 – 25 g.

 - Vai trò: Tuyến giáp tiết hoocmon tirôxin có vai trò quan trọng trong trao đổi chất và chuyển hóa ở tế bào.

- Tuyến giáp và tuyến cận giáp có vai trò quan trọng trong đ.hòa trao đổi Ca và P trong máu

**BÀI 57: TUYẾN TỤY VÀ TUYẾN TRÊN THẬN**

**I. Tuyến tụy**

- Tuyến tụy vừa làm chức năng ngoại tiết vừa làm chức năng nội tiết.

- Chức năng nội tiết do các tb đảo tụy thực hiện.

 + Tbα: Tiết glucagon làm tăng đường huyết khi lượng đường trong máu giảm.

 + Tb**β**: Tiết insulin làm giảm đường huyết khi lượng đường trong máu tăng.

- Vai trò của các hoocmon: Nhờ tác dụng đối lập của 2 loại hoocmon giúp lượng đường trong máu luôn ổn định đảm bảo hoạt động sinh lí của cơ thể diễn ra bình thường.

**II. Tuyến trên thận**

- Vị trí: Gồm 1 đôi nằm trên 2 quả thận

- Cấu tạo và chức năng:

 a. Phần vỏ: Gồm 3 lớp

 + Lớp ngoài: Tiết hoocmon điều hòa các muối Na, K trong máu.

 + Lớp giữa: Tiết hoocmon điều hòa đường huyết (tạo gluco từ Pr và L)

 + Lớp trong: Tiết hoocmon điều hòa sinh dục gây những biến đổi đặc tính sinh dục ở nam.

b. Phần tủy: Tiết hoocmon Adrênalin và Noadrênalin gây tăng nhịp tim, co mạch, tăng nhịp hô hấp, dãn phế quản và góp phần cùng glucagon điều chỉnh lượng đường huyết.

**BÀI 58: TUYẾN SINH DỤC**

**I. Tinh hoàn và hoocmon sinh dục nam**

- Tinh hoàn: Sản sinh ra tinh trùng và tiết hoocmon sinh dục nam testosteron.

- Hoocmon sinh dục nam: Gây biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam.

- Dấu hiệu xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam: Lớn nhanh, cao vượt, sụn giáp phát triển, lộ hầu, vỡ tiếng, giọng ồm, mọc ria mép, cơ bắp phát triển, cơ quan sinh dục to ra, tuyến mồ hôi, tuyến nhờn phát triển, xuất hiện mụn trứng cá, vai rộng, ngực nở, xuất tinh lần đầu.

**II. Buồng trứng và hoocmon sinh dục nữ**

- Buồng trứng: Sản sinh ra trứng và hoocmon sinh dục nữ ostrogen.

- Hoocmon sinh dục nữ: Gây biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nữ.

- Dấu hiệu xuất hiện ở tuổi dậy thì ở nữ: Lớn nhanh, hông nở rộng, mông đùi phát triển, thay đổi giọng nói, ngực và bộ phận sinh dục phát triển, tuyến mồ hôi, tuyến nhờn phát triển, xuất hiện mụn trứng cá, bắt đầu hành kinh.

**BÀI 59: SỰ ĐIỀU HÒA VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TUYẾN NỘI TIẾT**

**I. Điều hòa hoạt động của các tuyến nội tiết**

- Tuyến yên tiết hoocmon điều khiển sự hoạt động của các tuyến nội tiết.

- Hoạt động của tuyến yên tăng cường hay kìm hãm chịu sự chi phối của các hoocmon do tuyến nội tiết khác tiết ra. Đó là cơ chế tự điều hòa các tuyến nội tiết nhờ thông tin ngược.

 **II. Sự phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết**

- Các tuyến nội tiết trong cơ thể có sự phối hợp hoạt động đảm bảo các quá trình sinh lí trong cơ thể diễn ra bình thường